

HIỆN TƯỢNG PHIÊN ÂM DANH TỪ RIÊNG TIẾNG PHÁP SANG TIẾNG VIỆT: MỘT SỐ VẤN ĐỀ NGỮ ÂM, NGỮ NGHĨA

Wõ Thị Ngọc Thúy⁽¹⁾, Nguyễn Lâm Thắng⁽²⁾, Trần Thị Thanh Nhị⁽³⁾

Tóm tắt: Quá trình giao lưu, tiếp xúc Việt – Pháp từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX để lại ảnh hưởng sâu đậm đến Việt Nam trên nhiều mặt, trong đó có ngôn ngữ. Không dừng lại ở việc vay mượn một lượng từ vựng gốc Pháp, tiếng Việt còn lưu lại dấu ấn lịch sử, văn hóa trong cách phiên âm tên riêng tiếng Pháp sang tiếng Việt thông qua chữ Hán và âm Hán Việt. Bài viết tập trung khảo sát hiện tượng phiên âm các danh từ riêng tiếng Pháp (nhân danh và địa danh) được lưu lại trong các thư tịch chữ Hán ở Việt Nam (có mở rộng thêm ở báo chí chữ quốc ngữ đầu thế kỷ XÃ HỘI). Qua đó, chứng minh được tinh thần độc lập tương đối, cá tính riêng của người Việt thể hiện qua cách ứng xử với tiếng nước ngoài cũng như xác nhận thêm cứ liệu cho quá trình nghiên cứu lịch sử ngữ âm tiếng Việt thế kỷ XIX.

Từ khóa: Âm Hán Việt, phiên âm, tên riêng, ngữ âm tiếng Việt.

1. MỞ ĐẦU

Ngày nay, nhờ những tiện ích mà chữ quốc ngữ mang lại, người Việt Nam có xu hướng ủng hộ việc đưa nguyên dạng các tên riêng nước ngoài vào sách vở thay vì phiên âm từng chữ như trước đây. Tuy nhiên, nhìn lại chiều dài lịch sử của quá trình phiên âm các tên riêng Châu Âu ở Việt Nam, có thể thấy xu hướng trên là một tất yếu tiến bộ. Bản thân lịch sử chữ viết của Việt Nam đã là một hành trình dài với nhiều bước ngoặt vĩ đại. Từ đầu thế kỷ XX đến nay, người Việt sử dụng chữ viết chính thức là “chữ quốc ngữ”, hệ thống chữ viết thuộc hệ chữ cái Latin. Tuy nhiên, trước khi dùng chữ quốc ngữ, người Việt từng sử dụng hai loại chữ viết nữa, đó là chữ Hán và chữ Nôm. Trong đó, chữ Hán là chữ viết mà người Việt Nam vay mượn của người Trung Quốc và cùng với nó là hệ thống âm đọc Hán Việt – cách đọc chữ Hán của người Việt Nam. Do chỗ vay mượn chữ viết của người Trung Quốc, ngôn ngữ của người Việt cũng chịu ảnh hưởng rất lớn. Không chỉ phải diễn đạt mọi sự vật, khái niệm, hành động, tính chất bằng chữ Hán mà đến cả tên người, tên địa danh cũng phải nhờ chữ Hán để ghi lại. Điều này dẫn đến một hiện tượng trong các thư tịch chữ Hán của người Việt là tất cả tên riêng trong tiếng Việt hay tiếng nước ngoài đều được viết bằng chữ Hán, đọc theo âm Hán Việt. Mặc dù tiếng Hán và tiếng Việt cùng chung loại hình đơn lập, âm tiết tính, mỗi âm tiết tương đương với một chữ viết, tuy nhiên, tên người, địa danh tiếng Việt, bên cạnh một số tên có âm Hán Việt, thì còn một số lượng rất lớn có âm thuần Việt – về lý thuyết vốn không thể ghi lại bằng chữ Hán. Trong suốt một thời gian dài dưới chế độ phong

(1) Tiến sĩ, Khoa Ngữ Văn, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, Email: ngocthuysp@gmail.com.

(2) Thạc sĩ, Khoa Ngữ Văn, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, Email: lamthanghue@gmail.com.

(3) Tiến sĩ, Khoa Ngữ Văn, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, Email: thanhnhidh@gmail.com.

kiến, những người Việt có học, có chức, đều có tên tự, tên hiệu bên cạnh tên húy, tên hèm. Tên húy hay tên cúng cơm, tên được cha mẹ đặt thuở nhỏ cho dễ nuôi thường là những tên giản dị, dân dã, nôm na và không phải là âm Hán Việt. Về địa danh, rất nhiều xóm, làng ở Việt Nam mang những tên gọi cổ xưa gắn với những sản vật, đặc trưng của miền quê nhưng khi được đưa vào các sách địa chí, địa dư thì lại được đặt thêm tên hành chính có âm Hán Việt. Đó là những tình huống dẫn tới sự gượng ép và không thực sự chính xác về âm đọc trong việc sử dụng chữ Hán để ghi nhân danh, địa danh.

Bước sang thế kỷ XVI, khi bắt đầu có sự xuất hiện của người phương Tây ở Việt Nam (chủ yếu là người Pháp), nhu cầu ghi lại tên riêng của người, tàu buôn, tên thành phố, quốc gia nước ngoài bằng chữ viết thực sự hiện hữu. Lúc này, người Việt có hai giải pháp: dùng chữ Hán hoặc chữ Nôm. Chữ Nôm là loại chữ do người Việt sáng tạo trên cơ sở biến đổi cấu tạo chữ Hán để ghi âm tiếng Việt. Tuy nhiên, ngay cả khi đã hình thành chữ Nôm, vì nhiều lý do, loại chữ này cũng không thông dụng đến mức thay thế hoàn toàn chữ Hán trong việc ghi phiên âm những tiếng thuần Việt. Do đó, vẫn tồn tại hiện tượng phổ biến trong các thư tịch cổ của Việt Nam là những tên riêng được ghi bằng chữ Hán. Ở bài viết này, chúng tôi tập trung khảo sát những tên riêng tiếng Pháp được phiên âm trong các sách chữ Hán của người Việt trong khoảng thời gian từ đầu thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, có so sánh đối chiếu với sách báo chữ quốc ngữ cùng thời kỳ.

2. NỘI DUNG

2.1. Những khó khăn của sự phiên âm tên riêng tiếng Pháp bằng chữ Hán

Khi sử dụng chữ Hán, người Việt đọc theo âm Hán Việt (hệ thống ngữ âm hình thành vào khoảng thế kỷ VIII - IX ở Việt Nam trên cơ sở âm Hán Trung Cổ) nên ở đây chúng tôi đối sánh trực tiếp âm Hán Việt với âm tiếng Pháp chứ không thông qua âm tiếng Hán.

Tiếng Pháp có sự khác biệt rất lớn với tiếng Việt.

Thứ nhất, về mặt loại hình, tiếng Pháp là ngôn ngữ hòa kết, trong khi tiếng Việt là ngôn ngữ đơn lập, âm tiết tính. Đây là hai loại hình ngôn ngữ có thể coi là khá đối lập và rất ít điểm tương đồng. Khi viết, một chữ Hán sẽ thể hiện một âm Hán Việt tương ứng. Nghĩa là, về mặt lý thuyết, một từ có bao nhiêu âm tiết thì sẽ cần bấy nhiêu chữ Hán để ghi lại. Tuy nhiên, trên thực tế, một từ Hán Việt chỉ thường gồm hai âm tiết (từ ghép). Trường hợp tên riêng thì nhiều âm tiết hơn, có thể từ ba đến bốn âm tiết. Dù từ hoặc tên có nhiều âm tiết thì mỗi âm tiết đều được phát âm độc lập và có khoảng cách nhất định với các âm tiết còn lại. Điều này khác với chữ viết thuộc hệ Latin của người Pháp với một từ thường gồm nhiều âm tiết được phát âm hòa kết với nhau và khi viết thì được thể hiện bởi một chuỗi ký tự. Nếu muốn phiên âm một từ tiếng Pháp thì cần đến vài ba chữ Hán đi liền nhau. Tuy nhiên, sự hòa kết giữa các âm tiết trong cùng một từ lại không hoặc rất khó để thể hiện.

Thứ hai, đặc điểm ngữ âm của hai hệ thống tiếng Pháp và tiếng Việt không hoàn toàn giống nhau. Rất nhiều âm trong tiếng Pháp không hề tồn tại trong hệ thống ngữ âm tiếng Việt. Xét riêng phụ âm, trong khi tiếng Pháp có một số tổ hợp âm đầu (cluster) như nhiều ngôn ngữ châu Âu khác như “fr”, “cl/kl”, “bl”, “br”, “chr”,..., thì âm đầu trong hệ thống âm Hán Việt chỉ là âm đơn. Khi phiên âm các tổ hợp âm đầu này, cũng phải dùng đến hai chữ

Hán mới thể hiện được (hai âm tiết). Hoặc trong hệ thống âm Hán Việt lại hoàn toàn vắng mặt hai âm đầu “r” và “g” nên khi phiên âm các âm này đều phải thông qua những chữ Hán có âm đầu “l” (phiên cho “r”) hay “k” (phiên cho “g”). Tiếng Pháp còn có trọng âm (âm nhấn), âm đọc lướt, âm cuối với độ mờ/ rõ của các âm tiết trong phát âm một từ không giống nhau nhưng khi phiên âm sang âm Hán Việt, các âm tiết đều được đọc rõ với thời lượng phát âm như nhau. Điều này dẫn đến hiện tượng tiếng Việt phải dùng số lượng âm tiết nhiều hơn (nhiều chữ Hán) để phiên âm một tên riêng tiếng Pháp có số âm tiết ít hơn.

Thứ ba, bản thân ngữ âm tiếng Việt có những biến đổi rất lớn từ sau thế kỷ XV mà đặc biệt là trong khoảng thời gian từ thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XX, khoảng thời gian diễn ra quá trình giao lưu, tiếp xúc giữa tiếng Pháp và tiếng Việt. Do đó, cách phiên âm tên riêng tiếng Pháp sang tiếng Việt được ghi lại trong những tài liệu có niên đại chênh lệch nhau chỉ khoảng nửa thế kỷ cũng đã có sự khác biệt.

Thứ tư, cách phiên âm từ tên tiếng Pháp sang tiếng Việt còn mang tính chủ quan, tự phát, chưa được quy chuẩn bởi một tài liệu nào, dẫn đến sự thiếu thống nhất tên gọi.

Những khó khăn nêu trên khiến cho việc lựa chọn chữ Hán để phiên âm tên riêng tiếng Pháp vốn đã không dễ với người phiên mà lại càng khó khăn với người dịch khi suy luận tên riêng đó tương ứng với tên bằng chữ cái Latin. Đây là thực trạng đã xảy ra trong suốt các tài liệu viết bằng chữ Hán của Việt Nam.

2.2. Một số tên riêng tiếng Pháp phổ biến được phiên âm bằng chữ Hán

Khảo sát trên rất nhiều tài liệu cổ ở Việt Nam từ thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XX, bao gồm cả sách viết bằng chữ Hán, chữ Nôm, chữ quốc ngữ, chúng tôi đều ghi nhận hiện tượng phiên âm tên riêng nước ngoài. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung khảo sát các tên riêng nước ngoài – mà chủ yếu là nước Pháp - được phiên âm từ hai bình diện ngữ âm và ngữ nghĩa.

Trên bình diện ngữ âm, có hai vấn đề lớn liên quan đến cách phiên âm tên riêng nước ngoài như sau: Về nguồn gốc cách phiên âm, người Việt dùng hai cách: mô phỏng cách phiên âm của người Trung Quốc hoặc sử dụng cách phiên âm riêng (tự tạo ra cách ghi âm mới). Cách phiên âm riêng của người Việt có thể được ghi chép thông qua các thông ngôn hoặc trực tiếp thông qua các chuyên đi sứ sang nước Pháp. Các chữ Hán được lựa chọn chủ yếu có thanh bằng (không dấu), phù hợp với cách phát âm tiếng Pháp.

Trên bình diện ngữ nghĩa, phần lớn việc phiên âm tên riêng tiếng nước ngoài bằng chữ Hán chỉ chú trọng âm thanh, không quan tâm đến nghĩa, nhưng biệt lệ vẫn có một số trường hợp chuyển tải được cả hai bình diện là ngữ âm và ngữ nghĩa của tên riêng.

2.2.1. “France”

Nước Pháp, tên gọi chính thức theo người Pháp là “France” (tính từ sở hữu là “Française”), có thể coi là quốc gia phương Tây đầu tiên đặt dấu ấn lớn lên đất nước Việt Nam. Các bộ sử lớn của Việt Nam dưới triều Nguyễn (1802-1945) viết bằng chữ Hán đều ghi nhận những sự kiện có sự hiện diện của người Pháp ở Việt Nam. Theo khảo sát của chúng tôi, cách phiên âm tên nước Pháp ở các tài liệu của người Việt không hoàn toàn trùng nhau.

Trong các tài liệu sử học thế kỷ XIX

Khảo sát *Châu bản triều Nguyễn*, chúng tôi thống kê được ba cách phiên âm tên nước Pháp “France” bằng chữ Hán là *Hoa Lang Thê*, *Hoa Lang Sa* hoặc *Ba Lang Sa*. Trong đó, cách phiên âm phổ biến nhất là *Hoa Lang Sa*: Bản tấu và bản Tư trình năm Gia Long thứ 16 (1817) nhắc đến nước Pháp bằng các chữ Hán 花郎淒 *Hoa Lang Thê* hoặc 花郎沙 *Hoa Lang Sa*. Bản tấu khác từ Trung quân cùng năm Gia Long thứ 16 (1818) lại phiên âm là 吧郎沙 *Ba Lang Sa*. Trong đó, chữ *quốc* là chỉ quốc gia, *Hoa Lang Thê* hoặc *Hoa Lang Sa* là ba âm tiết phiên âm chữ “France”.

Mặc dù trong phát âm của người Pháp, “France” chỉ có một âm tiết, nhưng âm đầu và âm cuối đều không có âm tương đương trong tiếng Việt. Do đó, trong khi sử dụng chữ Hán để phiên âm từ “France”, người Việt đã phải thông qua ba âm tiết độc lập:

Âm đầu “fr” trong âm tiết “France” phải được viết bằng hai chữ Hán để thể hiện âm «f/ và âm /r/ tách rời. Âm /f/ về lý thuyết phải viết bằng chữ Hán có âm Hán Việt là ph /f/. Tuy nhiên, trên thực tế, âm xát môi răng /f/ trong tiếng Việt lại hình thành rất muộn, vào khoảng cuối thế kỷ XVII sang đầu thế kỷ XVIII mới ổn định. Vào địa hạt chữ viết thì lại muộn hơn. Khi đó, âm /f/ được ghi lại theo âm cổ hơn cùng bộ vị phát âm là âm /b/. Vì thế trong các tài liệu đầu thế kỷ XIX thì âm /f/ trong tên nước Pháp còn được phiên thành /b/ và được thể hiện bằng chữ Hán có âm Hán Việt là “ba”. Đó là trường hợp các sách *Châu bản triều Nguyễn*, *Đại Nam thực lục*. Ở các sách xuất bản muộn hơn, nửa sau thế kỷ XIX, như các tập thơ đi sứ của Phạm Phú Thứ (*Tây hành nhật ký*), Ngụy Khắc Đản (*Như Tây kí*) thì âm /f/ đã được phiên thông qua chữ Hán có âm Hán Việt là “phú” hoặc “pháp” thành “Phú lang sa” hay “Pháp lang sa”. Cách phiên này được duy trì đến các tài liệu viết bằng chữ quốc ngữ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX như *Gia Định báo*, *Nam Phong tạp chí*,... Trong khi đó, như đã đề cập ở trên, âm “r” vắng mặt trong hệ thống âm Hán Việt và khi phiên âm sẽ được thay thế hoàn toàn bằng âm “l”. Đó là lý do vì sao người Việt dùng chữ Hán có âm “lan” hoặc “lang” hoặc “lăng” để phiên âm.

Âm cuối “ce” trong từ “France” là một âm gió (âm xát), ký âm là /s/. Tuy nhiên, văn tự Hán không có chữ nào thể hiện một âm vị như vậy, dẫn tới người Việt (và trước đó là người Trung Quốc) phải thông qua các chữ Hán có âm Hán Việt là “thê” (淒), “tây” (西) hoặc “sa” (沙) để phiên. Trong ba âm tiết này, “thê” là âm cổ hơn cả, chỉ xuất hiện trong các văn bản đầu thế kỷ XIX. Chữ 西 có âm cổ là “tê”/ “tư” và ở thế kỷ XIX nhiều khả năng vẫn còn phát âm theo âm na ná âm “ce” trong tiếng Pháp. Theo chúng tôi trong các tài liệu phiên là thì nên đọc theo âm cổ “tê” thay vì đọc theo âm hiện đại là “tây”. Trong tiếng Việt thì âm “s” hình thành muộn, có lai nguyên từ âm “s” Hán Việt hoặc âm “th”, “t” trong tiếng Việt cổ. Cho nên, cách phiên âm cuối “ce” thành “sa” trong tiếng Việt là cách phiên xuất hiện muộn nhất, gần đây nhất (chính thức được ghi nhận và quy định từ năm 1861 trong sách *Đại Nam thực lục*) và sau nó không có sự thay đổi nào trong cách phiên âm cuối trong từ “France” nữa. Trong các tài liệu chữ quốc ngữ thì từ năm 1881 có quy định về việc phải sử dụng “chữ Langsa” làm văn tự chính thức.

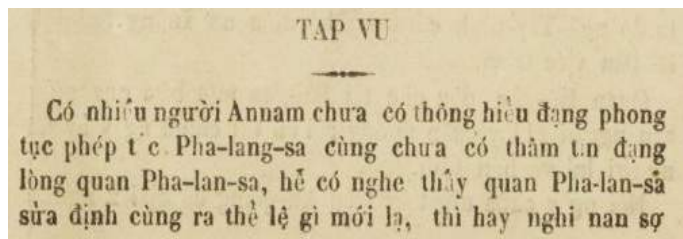
Nói về điểm đặc biệt trong cách phiên “Hoa lang thê” và “Hoa lang sa”. Đây là cách viết hoàn toàn riêng của *Châu bản triều Nguyễn*, không chịu ảnh hưởng của cách phiên

âm mà người Trung Quốc đã thực hiện và cũng khác so với những tài liệu của người Việt Nam. Ở đây, âm tiết đầu tiên trong tên phiên âm của nước Pháp là “*hoa*” chứ không phải “*ba*”. Hay chính xác hơn, âm “*Hoa*” được dùng thay thế cho âm “*ba*”. Nguyên nhân sâu xa dẫn tới việc người chép đã đồng nhất âm *ba* với âm *hoa* là do ảnh hưởng của một vấn đề chính trị, xã hội: hiện tượng kiêng húy khi viết chữ Hán. Cụ thể, triều Minh Mạng nhà Nguyễn đã đặt ra lệ tránh dùng chữ Hán 華 *Hoa* là tên của bà Hồ Thị Hoa, vợ vua. Theo lệ tị húy này, các văn bản không được dùng chữ Hán 華 mà thay bằng chữ Hán khác đồng âm (như 花 *hoa*) hoặc thay bằng chữ Hán đồng nghĩa có âm khác như 葩 *ba* (葩 cũng có nghĩa là tinh anh, tinh hoa). Từ đó, nhiều địa danh đổi tên có âm *Hoa* sang âm *Ba* (như chợ Đông Ba ban đầu có tên là Đông Hoa). Dần dần, có xu hướng hiểu ngầm âm *Ba* là âm *Hoa*.

Sách Đại Nam thực lục (làm từ năm 1802 đến 1909) quyển 1 thực lục về Thế Tổ Cao Hoàng Đế, phiên nước Pháp là “Phủ Lăng Sa”. Cách phiên thống nhất trong nhiều cụm từ như “tàu của Phủ Lăng Sa”, “thuyền người Phủ Lăng Sa”.

Qua tài liệu chữ quốc ngữ thế kỷ XIX

Gia Định Báo - tờ báo quốc ngữ đầu tiên ở Việt Nam, trong Số 1 năm thứ hai (tháng giêng 1866), mục Tạp vụ ở trang đầu có ba lần nhắc đến tên nước Pháp là “Pha-lang-sa” (1 lần) và “Pha-lan-sa” (2 lần).



Qua báo chí chữ quốc ngữ đầu thế kỷ XX

Trong phạm vi khảo sát của bài viết, chúng tôi vốn không đề cập đến các tờ báo quốc ngữ đầu thế kỷ XX. Tuy nhiên, chúng tôi muốn mở rộng để xem xét cách phiên âm tên riêng nước ngoài bằng chữ Hán thông qua âm Hán Việt có để lại ảnh hưởng khi người Việt sử dụng loại chữ viết khác là chữ quốc ngữ hay không. Trên thực tế, trong các tờ báo quốc ngữ đầu tiên, các tên riêng nước ngoài đã được ghi lại nguyên dạng như bản ngữ, hoặc để ở chữ latin, hoặc có phiên âm ra tiếng Việt, nhưng cách phiên âm đã thay đổi theo hướng mô phỏng cách phát âm tên gọi với những khả năng thể hiện của ngữ âm tiếng Việt lúc bấy giờ (có âm “đ”, “r”,...) chứ không lệ thuộc cách phiên âm bằng âm Hán Việt của chữ Hán. Tuy nhiên, một số trường hợp các tên gọi đã quá quen thuộc như tên nước Pháp, thủ đô Ba-lê thì vẫn có thể dùng lại cách gọi cũ chứ không nhất thiết phải để nguyên dạng (“Paris”).

Nông cổ mín đàm (農賈茗談, nghĩa là “uống trà bàn chuyện làm ruộng và đi buôn”, xuất bản số đầu tiên ngày 1 tháng 8 năm 1901, là tờ báo kinh tế đầu tiên bằng chữ quốc ngữ ở Việt Nam) đã phiên âm “France” thành “Đại Pháp”. Điểm đáng chú ý là các tên riêng nước ngoài trên tờ báo này đã được để dạng nguyên bản chữ cái latin. Tuy nhiên, ở một số phần, khi nhắc tới người Pháp (ở mục Lời rao) thì vẫn dùng chữ “Langsa”: “người Langsa”, “bột mì Langsa ròn”, “rượu Lang-sa”, “chữ Langsa”,... Rõ ràng là cuối thế kỷ

XIX, đầu thế kỷ XX, bên cạnh tiếng “Pháp”, người Việt Nam cũng quen gọi người Pháp bằng từ “Langsa”.

Đông Dương tạp chí số 6 tháng 4 năm 1916 đã dịch trực tiếp France thành nước Đại Pháp. Trong Đông Dương tạp chí, các tên riêng nước ngoài đã được phiên âm theo hai cách: giữ nguyên như bản ngữ hoặc phiên âm ra âm tiếng Việt. Tuy nhiên, khác với tình hình ở *Gia Định báo*, các âm đầu “đ”, “r” đã được thể hiện rất rõ mà không phải thông qua âm trung gian là “t” hay “l”. Chẳng hạn, trong vở hài kịch “Giả đạo đức” của Molière, các nhân vật như Dorine, Orgon, Mariane đã được Nguyễn Văn Vĩnh phiên thành Đô-rin, Ô-gông, Ma-ri-an hoặc phiên đúng tên.

Trong tờ *Nam Phong tạp chí* (xuất bản số đầu ngày 1 tháng 7 năm 1917), tên nước Pháp được viết ở dạng tiếng Việt rút gọn là “Pháp”. Đây cũng là tình hình chung đối với tên các quốc gia như Ý, Anh, Nga, Đức trong các tạp chí chữ quốc ngữ ở Việt Nam đầu thế kỷ XIX. Trong tạp chí cũng có dùng đến chữ “Đại-Pháp” và “Pháp-lan” (trang 10, quyển 1) nhưng theo chúng tôi đây chỉ là cách gọi mang đậm dấu ấn “tu từ” để câu văn được mượt mà hoặc để tránh trùng lặp chứ không phản ánh hiện thực ngữ âm đương thời. Đối với tên riêng nước ngoài, cũng song hành hai cách là để nguyên ngữ (chủ yếu) hoặc phiên âm bằng âm Hán Việt (thỉnh thoảng). Một số tên riêng được phiên âm ra tiếng Việt như “Athens” (Nhã-điển), “Louis” (Lộ-dịch), Nã phá luân (Quyển 1). Tên các triết gia phương Tây được để nguyên, kèm theo đó là chú thích cách “dịch” của người “Tàu” ở chân trang. Như Descartes là 笛卡兒 (Dịch-Ca-Nhi), Bacon là “Bồi-càn”.

Trong một số tác phẩm đi sứ phương Tây của các sứ thần Việt Nam

Tây hành nhật ký của Phạm Phú Thứ được viết trong chuyến đi sứ dài ngày sang Pháp và Tây Ban Nha (1863 - 1864). Trong *Tây hành nhật ký*, Phạm Phú Thứ cũng phiên âm tên nước Pháp thành “Phú Lãng Sa”: “Người Anh đến ở đây trên hai mươi năm qua, làm bãi chứa than để tiếp tế cho thuyền lửa đi lại phương Đông. Nước Phú-lãng-sa cũng thuê đất, chõ than đến chứa ở đây và đặt lãnh sự để trông coi thuyền đậu ở bến thường là vài chục chiếc”. Phạm Phú Thứ còn phiên âm nhiều nhân danh và địa danh ra cách đọc của người Việt, tức là âm Hán Việt, như: nước Ai Cập (Egypte) là Y-diệp, cảng Suez viết là Ku-ét, Le Caire viết là “thành Ke”; thiếu tá Pháp Rieunier viết là Lý-a-nhe, Aubaret thì âm là A-ba-ly,...

Cũng trong chuyến đi sứ sang Pháp năm 1863, *Như tây ký* của *Nguy Khắc Đản* phiên là 富浪沙 *Phú Lãng Sa*. Ngoài ra, trong văn bản này còn có hai chữ Nôm phiên âm tên nước Pháp thành 坡靸 *Pha dăng/răng*.

Từ chỗ phiên âm theo truyền thống bằng ba âm tiết, dần dà trong các thư tịch cổ Việt Nam, tên nước Pháp được rút gọn theo hai hướng: một là chỉ giữ lại âm đầu, gọi là nước “Phú”, như trong sách *Đại Nam thực lục tập 4*: “từ tháng này (năm 1861) về sau, theo như hòa ước chép là nước Phú”; hai là giữ lại âm chính và âm cuối là “Lang-sa” hay “Langsa”.

Qua một số tài liệu khác

Trong một tài liệu về công văn ra *Gia Định báo* 嘉定報 (A Anamite 43 1863) năm Quý Hợi, có bốn chữ Hán là 大富浪沙 *Đại Phú Lãng Sa* chỉ nước Pháp.



Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France, Département des Manuscrits, Vietnamien

Trong tiếng Trung, người Trung Quốc phiên âm từ “France” là 法蘭西 *Pháp Lan Tư* và về sau là 法国 *Pháp quốc*. Ngày nay, người Việt Nam cũng mô phỏng cách gọi này và dùng tiếng “Pháp” chứ không phải “Phủ” hay “Langsa” để gọi nước Pháp.

Thực ra, tên gọi “Đại Pháp” đã xuất hiện trong các thư tịch chữ Hán Việt Nam cuối thế kỷ XIX. Cụ thể, trong *Kim Giang thi tập* của Nguyễn Trọng Hợp (1834-1902), đã có chữ là “Đại Pháp”: 大法國 Đại Pháp quốc (nước Đại Pháp).

2.2.2. Thủ đô Paris và các thành phố ở Pháp

Paris: có hai cách phiên âm bằng chữ Hán. *Thứ nhất*, theo cách phiên của người Trung Quốc là 巴黎 Ba Lê. Cách phiên này phổ biến và thống nhất từ các tài liệu tiếng Trung Quốc lẫn thư tịch Việt Nam bằng chữ Hán và chữ quốc ngữ đầu thế kỷ XX. Hiện tượng âm “p” được phiên thành âm “b” do trong âm Hán Việt chưa có sự phân biệt rạch ròi hai âm “b” và “p”. Âm “lê” dùng để phiên cho âm “ris” thì lại do sự thiếu vắng âm đầu “r” trong hệ thống âm Hán Việt (và trước đó là âm tiếng Trung – do chỗ người Việt Nam vay mượn chữ Hán của người Trung Quốc). Trong các tác phẩm chữ Hán của các sứ thần Việt Nam đi sứ nước Pháp cũng phiên “Paris” thành “Ba-lê” như Phạm Phú Thứ, Nguyễn Khắc Đản,...

Thứ hai, chúng tôi còn khảo sát thấy cách phiên Paris là 玻璃都城 *Pha lê/Pha ly đô thành* (thành Paris) trong *Kim Giang thi tập* của Nguyễn Trọng Hợp (1834-1902).

Thậm chí, cách gọi này được ngôn ngữ văn chương cực kỳ ưa thích và tồn tại trong nhiều tác phẩm của các thi sỹ Việt Nam giữa thế kỷ XX như Chế Lan Viên: “Có nhớ chăng hồi gió rét thành Ba Lê? Một viên gạch hồng, Bác chống lại cả một mùa băng giá” (*Người đi tìm hình của nước* – 1960).

Marseille - một thành phố cảng, là thành phố lớn thứ hai của Pháp, sau thủ đô Paris, được Nguyễn Trọng Hợp phiên là 墨磋城 *Mặc-xây thành* trong đó chữ 磋 là chữ Nôm có âm Nôm là “xây”.

2.2.3. Các Hoàng đế Pháp

Napoléon Bonaparte (1769-1821): họ “Bonaparte” được sách *Châu bản triều Nguyễn* phiên âm thành 哺那吧囉犀 “Bô na ba la tê” hoặc tên “Napoleon được phiên âm là “Na Phô Lê Ông” hay “Nã phá luân” ở các sách báo đầu thế kỷ XX. Napoléon làm Hoàng đế nước Pháp với đế hiệu Napoleon I từ 1804 đến 1815 và trở lại ngôi vua vào năm 1815 trong một trăm ngày.

- *Louis* (Louis Stanislas Xavier) (1755-1824): là vua của Vương quốc Pháp từ năm 1814 đến năm 1824. Trong *Châu bản triều Nguyễn*, vua Louis được phiên là 蘆衣皇帝第十八 “Lô-y Hoàng đế đệ thập bát” tức là vua Lu y thứ 18. Cách viết này thống nhất trong các sách báo quốc ngữ đầu thế kỷ XX trước khi được viết nguyên dạng là “Louis”.

- *Louis Philippe I* (1773-1850): là vua của Pháp từ năm 1830 đến năm 1848. *Nam Phong tạp chí* phiên âm thành “Lộ-dịch Phi-lí-bôi”.

Cùng tên “Louis” nhưng hai tài liệu của Việt Nam có cách phiên âm không đồng nhất: trong khi tài liệu chữ Hán phiên là “Lô Y” 蘆衣 thì tài liệu chữ quốc ngữ lại phiên là “Lộ-dịch”. Tuy nhiên, đối chiếu với âm đọc tiếng Trung Quốc (pinyin) thì ký âm của các âm Hán Việt này tương đương nhau, chỉ khác thanh điệu: lô /lú/ và lộ /lù/, y /yi/ và dịch /yì/.

Clovis là vua của Vương quốc Frank từ năm 481 đến 511, là vị vua Kitô giáo chính thức đầu tiên của người Frank. Trong tập thơ của Nguyễn Trọng Hợp, tên vua Clovis được phiên thành 哥羅 “Ca La”.

2.2.4. Các vị tướng, nhà truyền giáo, giám mục người Pháp ở Đông Dương

- Đô đốc *Luis Adolphe Bonard* (1805-1867) là toàn quyền Guyana từ 1853 - 1855 và liên quan tới Hiệp ước Nhâm Tuất (1862) để cắt ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ vào vùng thuộc Pháp, và một số vấn đề quan trọng về ngoại giao, giao thương, buôn bán và tôn giáo. Sách *Gia Định báo* (1863) phiên là *Phô Na* 舖那, Đại Nam thực lục Tập 7 phiên dài hơn là *Phô Na Sai Xuy Mông*, còn trong *Quốc triều chính biên toát yếu* phiên là *Phố Na* 舖那.

- *Albert Sarraut* (1872-1962): được bổ nhiệm làm toàn quyền Đông Dương hai lần: lần đầu từ cuối năm 1911 tới năm 1914; lần thứ hai từ năm 1917 tới năm 1919. *Nam Phong tạp chí* thường để nguyên dạng tên “Sarraul”, hiếm khi phiên âm, tuy nhiên, cũng có khi phiên âm thành “Xa-lộ” trong cụm từ “Quan Toàn quyền Xa lộ” (số 8 tháng 2 năm 1918).

- Giám mục *Marceau* được phiên thành 馬高師爺 Mã Cao Sư Da hoặc phiên rút ngắn là Mã Cao (sách *Châu bản triều Nguyễn*).

- (Pierre Joseph Georges) *Pigneau de Behaine* (1741-1799): được phiên âm thành “Bá Đa Lộc Bỉ Nhu”, trong đó, Bá Đa Lộc 百多祿 phiên âm từ “Pedro” (tiếng Bồ Đào Nha) vì tên tiếng Pháp của ông là *Pierre*, tương đương với *Pedro*; “Bỉ Nhu” phiên âm từ “Pigneau”. Ông còn được biết tới với tên *Bách Đa Lộc* hay *Cha Cả*. Ông là một giáo sĩ Công giáo người Pháp được Nguyễn Phúc Ánh trọng dụng trong việc lấy lại quyền bính từ tay nhà Tây Sơn

vào cuối thế kỷ XVIII. Ông đã có công soạn cuốn từ điển tiếng Việt mang tên *Dictionarium Anamitico Latinum* vào năm 1773, viết chữ Quốc ngữ và chữ Nôm, giải nghĩa bằng tiếng Latinh, sau được giám mục Taberd biên tập và in thành *Nam Việt–Đương Hiệp Tự vị*.

- *Alexandre de Rhodes* (1593 –1660): được phiên âm thành “A Lịch Sơn Đắc Lộ” là một nhà truyền giáo Dòng Tên và một nhà ngôn ngữ học người Avignon (miền Nam nước Pháp). Ông đã có công tổng hợp, chỉnh lý những công trình của các giáo sỹ trước đó để hình thành chữ quốc ngữ Việt Nam hiện đại với tác phẩm *Tự điển Việt–Bồ–La* (*Dictionarium Annamiticum Lusitanum et Latinum*) in năm 1651 tại Roma - cuốn sách hệ thống hóa cách ghi âm tiếng Việt bằng mẫu tự La tinh. Cha Đắc Lộ còn để lại cuốn *Phép giảng tám ngày* - tác phẩm văn xuôi đầu tiên viết bằng chữ Quốc ngữ, phản ánh văn ngữ và cách phát âm của người Việt thế kỷ XVII.

2.2.5. Tên một số nhà văn, triết gia, nhà khoa học

Nam Phong tạp chí đã giới thiệu nhiều tên riêng các nước ngoài tới bạn đọc thông qua việc phiên âm ra âm Hán Việt. Ngoài những bài viết của Nguyễn Mạnh Bông khi giới thiệu văn học hy Lạp, thì Phạm Quỳnh trong số báo tháng 12 năm 1916 ở mục “Khoa học bình luận”, bài “Một nhà khoa học đại danh của nước Pháp –Berthelot” đã đem đến tên phiên âm Hán Việt của các con phố, các nhà khoa học Pháp. Dưới đây là một số tên cụ thể:

Corneille: Cỗ-nại-nhĩ: nhà soạn kịch

Racine: Lã-sinh/ La-Sinh

Voltare: Phúc-lộc-đặc-nhĩ

Baudelaire: Bách-đức-lai (nhà thơ)

Pasteur: Ba-ti-đức-nhĩ

Berthelot: Bồi-nhĩ-đức-lô

Pelouze: Bạch-lỗ-tur: nhà hóa học

Balard: Bá-lạp-nhĩ: nhà hóa học

Armand Gautier: Khổ-triết (nhà hóa học)

Lavoisier: Lạp-ngõa-tiết

Tên các tàu buôn, tàu chiến

Tên đường, tên phố và các tên riêng khác

Tour Saint-Jacques: Thánh Gia-khắc

Phố *Rivoli*: phố Lí-vật-lí

Phố *Dauphine*: phố Đô-phi-nặc

Place de Grève: đường Khắc-lôi-phú

Saint Sulpite: giáo viện Thánh tôn-bi-tur

Marcelin: Mã-ti-lăng

Jacques-Martin: Gia-khắc-Mã-đỉnh, cha của nhà khoa học Marcelin.

Renan: Lôi-năng – bạn thân của Marcelin

Duruy: Đô-duy: quan thượng thư

Tên phiên âm âm Hán Việt của một số triết gia, nhà văn hy Lạp, Anh trên *Nam phong tạp chí*:

Aristote: Á-lý-sĩ-đa-đức

Socrate: Thoa-lạp-cách-đề

Eschyle: Ai-tư-lạp

Sophocle: Tô-phật-cách-lợi

Euripide: Vưu-lợi-ti

Platon: Bá-lạp-đồ

Shakespeare: Sách-sĩ-tử-a (nhà văn – đại văn Hào)

Aristophane: Á-lợi-tô-phan (nhà viết kịch)

Lucrece: Lu-khắc-lôi-ti (nhà thơ)

Tacite: Đạt-tây-đức (sử gia)

Một điểm đặc biệt đáng lưu ý là sau khi phiên âm, cả Phạm Quỳnh và Nguyễn Mạnh Bông đã dùng âm tiết đầu tiên làm họ (như tiếng Việt) và dùng kèm kính ngữ “tiên sinh”. Chẳng hạn, “Berthelot” phiên ra thành “Bối-nhĩ-đức-lô” và gọi là “Bối tiên sinh”, “Renan” được phiên là “Lôi-năng” và gọi là “Lôi tiên sinh”. Nếu như cách phiên âm ra âm Hán Việt phần nào đã khiến các tên riêng Âu Châu này trở nên lạ lẫm thì cách gọi rút gọn bằng một âm tiết (như cách gọi của người Việt) như trên càng khiến người phương Tây “bối rối” hơn. Âu cũng là chuyện tất yếu trong bối cảnh giao lưu văn hóa, ngôn ngữ đầu thế kỷ XX, khi mà người Việt đã phải rất nỗ lực để không chỉ học tiếng Pháp, đọc sách Pháp, nói tiếng Pháp, gọi tên người Pháp và cũng không quên “Việt hóa” cách gọi để tên gọi Tây phương không quá xa lạ với độc giả Việt.

2.3. Một vài nhận xét

Qua cách phiên âm một số tên riêng tiếng Pháp có âm vị “v”, chúng tôi nhận thấy cách phát âm âm “v” trong tiếng Việt trước thế kỷ XX bị chi phối bởi nhiều yếu tố: Khi đi cùng với các nguyên âm hàng trước, độ há hẹp như “e” thì xát hóa thành “f” (“Grève” phiên thành “Khắc-lôi-phú”); khi đi cùng các nguyên âm hàng sau thì ngạc hóa thành “ng” (“Lavoisier” phiên thành “Lạp-ngõa-tiết”). Điều này hoàn toàn tương ứng với hiện tượng song hành của hai từ đồng nghĩa trong tiếng Việt là “vấn” (trong từ “vấn vôi”) và “ngấn” (trong từ “ngấn ngùn” hay “ngấn ngủi”/ “ngấn ngổi”). Trong chữ Nôm của người Việt cũng có cách viết và đọc âm “ngấn” thông qua chữ Nôm “vấn” 𠵹 (chữ 短 đoán (ngấn) chỉ ý, chữ 半 bán chỉ âm).

Chưa có sự phân biệt rõ ràng trong cách phiên âm các tên có âm đầu “b” và “p” mà đều được phiên thành âm đầu Hán Việt “b”, như: *Bonard* (Phô-na/Phố-na), *Pasteur* (Ba-ti-đức-nhĩ), *Pelouze* (Bạch-lỗ-tư), *Balard* (Bá-lạp-nhĩ), *Berthelot* (Bối-nhĩ-đức-lô),...

Toàn bộ các tên riêng có âm đầu “r” đều được phiên thông qua âm đầu Hán Việt “l”, như *Rivoli* (Lí-vật-lí), *Grève* (Khắc-lôi-phú), *Renan* (Lôi-năng),...

Các âm tiết có âm vị “r” cong lưỡi được phiên thành âm “nhĩ”. Trong tiếng Trung Quốc, âm “nhĩ” có ký âm là /er/ đọc cong lưỡi.

Các âm có chữ “te” được phiên thành “đức”.

Hệ thống âm Hán Việt tồn tại hiện tượng đồng âm hoặc gần âm giữa các yếu tố Hán Việt, do đó, sẽ có hiện tượng một âm tiếng Pháp được phiên âm thành các âm Hán Việt na ná nhau (chỉ khác nhau thanh điệu) như “Napoleon” phiên thành “Na-phô-lê-ông” hay “Nã-phá-luân”,.... Đối với một số tên riêng có sự ảnh hưởng từ cách phiên âm của Trung Quốc thì nảy sinh thêm hiện tượng phiên tên riêng thành các âm Hán Việt khác nhau nhưng “pin-yin” thì tương tự nhau (“Louis” phiên thành “Lô-y” hay “Lộ-dịch”). Ngoài ra, dù các âm tiết dùng để phiên âm tên riêng nước ngoài không hướng đến sự thể hiện ý nghĩa, thậm chí có thể không có nghĩa thì các sử gia hoặc các nhà văn, nhà báo Việt Nam đã kế thừa truyền thống (từ cách phiên của Trung Quốc) lựa chọn những âm tương ứng với chữ Hán hoặc từ vựng mang nghĩa tích cực, tốt đẹp, tươi sáng, tránh những âm thô tục. Đó là trường hợp những tên riêng có âm thanh rất đẹp như thủ đô Paris phiên là “Ba lê” (trùng tên với điệu múa ballet) hay “Pha lê” (trùng tên một loại ngọc quý), thủ đô Athen phiên là “Nhã điển” (đẹp đẽ, tao nhã),...

3. KẾT LUẬN

Trong quá trình giao lưu, tiếp xúc giữa các quốc gia, các nền văn hóa, việc đề cập đến tên riêng trong các tài liệu thành văn là một nhu cầu tất yếu. Cách ứng xử với lớp từ vựng đặc biệt này của một dân tộc, một ngôn ngữ đối với ngoại ngữ khác thể hiện được nhiều điều hơn là chuyện tất yếu hiển nhiên. Mặc dù đầu thế kỷ XX, khi những tên riêng nước Pháp, dù phức tạp đến đâu, cũng đa số được thể hiện nguyên dạng ở các tài liệu chữ quốc ngữ, thì trong quá khứ, với việc chưa có chữ viết riêng phù hợp, phải vay mượn chữ Hán, người Việt đã rất nỗ lực trong việc phiên âm các âm thuộc hệ latin sang âm Hán Việt thuộc loại hình âm tiết tính, đồng thời, Việt hóa tên gọi theo cách riêng của mình. Điều đáng trân trọng là ngoài những sự tương đối về mặt ngữ âm (tức là không thể đòi hỏi sự tương ứng chính xác) trong cách phiên âm tên riêng tiếng Pháp sang tiếng Việt, thì dựa vào sự thay đổi trong cách phiên một số tên riêng trong các tài liệu chữ Hán và chữ quốc ngữ ở Việt Nam từ đầu thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, chúng tôi còn tìm ra nhiều chứng tích cho thấy dấu ấn của những biến đổi trong ngữ âm tiếng Việt giai đoạn này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Anh. C.V. (2006). *Hiện tượng phiên âm tiếng Pháp bằng chữ Nôm và chữ Hán trong tư liệu bang giao từ nửa cuối thế kỷ XIX tới đầu thế kỷ XX*, Thông báo Hán Nôm học năm 2006, tr.47-56.
2. Cẩn. Ng. T. (1997). *Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt (sơ thảo)*, NXB ĐHGĐ Hà Nội.
3. Cẩn. Ng. T. (2004). *Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán Việt*, NXB ĐHGĐ Hà Nội.
4. Chử. Th. (2003). *Hán- Việt tự điển*, NXB Thanh niên, Hà Nội.

5. Dõi. Tr.Tr. (2011). *Giáo trình lịch sử tiếng Việt*. NXB Giáo dục Việt Nam. Hà Nội.
6. Khang. Ng. V. (2007). *Từ ngoại lai trong Tiếng Việt*. NXB Giáo dục. Hà Nội.
7. Sơn. H.T (2011). *Khảo sát văn bản và bước đầu đánh giá giá trị tác phẩm “Kim cương thi tập” của Nguyễn Trọng Hợp*, Luận văn Thạc sĩ, Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
8. Quỳnh. P. (chủ biên) (1917-1934). *Nam Phong tạp chí*.
9. *Cục văn thư và lưu trữ nhà nước* (2010). *Mục lục Châu bản triều Nguyễn*. Tập 1, 2. NXB Văn hóa Thông tin. Hà Nội.
10. Quốc sử quán triều Nguyễn (2006). *Đại Nam thực lục*. Tập 1-9. NXB Giáo dục.
11. Viện Sử học (2013). *Phạm Phú Thứ toàn tập*. NXB Đà Nẵng.

LA TRANSCRIPTION PHONETIQUE DES NOMS PROPRES FRANÇAIS DANS LA LANGUE VIETNAMIENNE: LES PROBLEMES PHONOLOGIQUES ET SEMANTIQUES

Résumé: Les échanges et contacts entre le Vietnam et la France depuis le XIX^e siècle jusqu’au début du XX^e siècle ont laissé de profondes empreintes dans nombre de domaines dont celui de la langue. Le phénomène dépassant les emprunts lexicaux de la langue vietnamienne au français, celle-ci a toujours conservé les traces socio-historiques dans la façon de transcrire les noms propres français, en particulier par le truchement des caractères chinois et des termes sino-vietnamiens. La présente étude se concentre sur le phénomène de transcription des noms propres français (patronymes et toponymes), ceux-ci étant enregistrés dans les documents et archives en caractères chinois conservés au Vietnam (à ces documents s’ajoutent les journaux en écriture latine, appelée écriture nationale, du début du XX^e siècle). L’étude démontre en effet le relatif esprit d’indépendance et la mentalité propres aux Vietnamiens qui se sont traduits au contact des langues étrangères. De même, elle confirmerait les données qui soutiennent la recherche sur l’histoire de l’évolution phonologique du vietnamien durant le XIX^e siècle.

Mots-clés: *Phonologie sino-vietnamienne, transcription, patronyme, phonologie du vietnamien.*

TRANSCRIBING FRENCH PROPER NOUNS INTO VIETNAMESE: SOME DISCUSSIONS ABOUT PHONETICS AND SEMANTICS

Abstract: France had a considerable impact on Vietnam in multifaceted aspects, including language, from the end of the 19th century to the beginning of the 20th century. Numerous vocabularies in French were hence “imported” into Vietnamese. However, the Vietnamese language still attempted to keep its characteristics by utilizing Sino-Vietnamese, both transcript and sound, during the process of Vietnamization of those lexical items borrowed from French. This article investigates how this process occurred by examining the proper nouns in French used in some books written in Chinese characters by Vietnamese scholars and in newspapers written in Vietnamese in the early twentieth century. We aim to prove that Vietnamese people always endeavor to keep their indigenous culture and to be independent as much as possible when dealing with foreign languages. The result of this article might hopefully bring some more scholarship concerning the history of Vietnamese phonetics in the nineteenth century.

Keywords: *Sino-Vietnamese sound, to transcribe phonetically, proper nouns, Vietnamese phonetics.*